

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 8 - 2022

*V/v ly hôn giữa*

*Chị T và anh L*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Phạm Ngọc Quỳnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Đinh Thị Hồng Thơm

Bà Vũ Thúy Nga

**- Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà:**  
**ông Ngô Văn Thành - Kiểm sát viên.**

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022; về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **59/2022/QĐXXST-HNGĐ**, ngày **23/8/2022**, giữa các đương sự:

**\*Nguyên đơn:** Chị Ngô Thị T sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm 6, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định;

**\*Bị đơn:** Anh Đặng Thanh L, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm 6, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa chị T, anh L vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nguyên đơn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Thanh L kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 24/10/2003. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh L. Trong cuộc sống vợ chồng dần phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hai bên gia đình động viên nhưng không thay đổi được tình hình. Anh chị sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị ly hôn anh L.

Về con chung: Anh chị có 4 con chung là Đặng Nhật Đ sinh ngày 12/8/2004, Đặng Kỳ V sinh ngày 29/11/2005, Đặng Trà M sinh ngày 05/02/2008; Đặng Phúc T sinh ngày 09/12/2010. Các con đang ở với anh L. Khi ly hôn chị xin nuôi cháu M và cháu T còn để anh nuôi cháu Đ và cháu V. Nếu anh Lượng muốn nuôi cả 4 con thì chị cũng nhường cho anh nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về tài sản, nghĩa vụ tài sản của vợ chồng: chị không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Chị có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

Anh Đặng Thanh L trình bày: Anh và chị T kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã X ngày 24/10/2003. Sau khi cưới chị T thường xuyên bỏ bịch không quan tâm đến gia đình. Từ năm 2019 chị đã bỏ nhà đi theo người đàn ông khác, gia đình khuyên bảo không được. Nay chị xin ly hôn anh cũng nhất trí. Về con chung anh chị có 4 con chung là Đặng Nhật Đ sinh ngày 12/8/2004, Đặng Kỳ V sinh ngày 29/11/2005, Đặng Trà M sinh ngày 05/02/2008; Đặng Phúc T sinh ngày 09/12/2010. Các con đang ở với anh. Hiện nay cháu Đ đã 18 tuổi nên không phải nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh xin nuôi cả 3 con là V, M, T, không yêu cầu chị cấp dưỡng. Về tài sản anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh xin xét xử vắng mặt.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị Ngô Thị T và anh Đặng Thanh L. Giao con chung là Đặng Kỳ V sinh ngày 29/11/2005, Đặng Trà M sinh ngày 05/02/2008; Đặng Phúc T sinh ngày 09/12/2010 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh và có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị T và anh Đặng Thanh L là hợp pháp. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, anh nghi chị ngoại tình; chị T bỏ nhà đi từ năm 2018 và sống ly thân đến nay, hai bên không quan tâm đến nhau. Hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Xét thấy anh chị đã xác định không thể hàn gắn tình cảm được cũng nên giải phóng cho anh chị để hai bên tự lo hạnh phúc của bản thân.

[3]. Về việc nuôi con chung: Anh và chị có 4 con chung, cháu Đ hiện đã đủ 18 tuổi có khả năng tự lập, anh có nguyện vọng nuôi cả 3 con còn lại, không yêu cầu chị

cấp dưỡng, các con đều có nguyện vọng ở với anh; chị T cũng có ý kiến nếu anh L muốn nuôi tất cả các con chị cũng nhất trí, các con hiện đang ở với anh L. Chính quyền địa phương và Hội phụ nữ xã đề nghị nên giao cả 3 con chưa thành niên cho anh L nuôi dưỡng vì chị T bỏ nhà đi không quan tâm đến các con, bản thân chị T cũng không tha thiết việc nuôi con. Do vậy sẽ giao toàn bộ các con cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc anh tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: chị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cùng Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Ngô Thị T và anh Đặng Thanh L

2. Về con chung: giao con chung là Đặng Kỳ V sinh ngày 29/11/2005, Đặng Trà M sinh ngày 05/02/2008; Đặng Phúc T sinh ngày 09/12/2010 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh và có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại biên lai thu số **0003042** ngày 21/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường; chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Tỉnh+ Huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã X;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Ngọc Quỳnh**